

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày: 08-9-2022
V/v: “*Kiến đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tuấn Thịnh;

2. Ông Lương Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc “*Kiến đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đ V V sinh năm 1948; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố P C 1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Do chị P K K; địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố P T 4, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 26 tháng 4 năm 2022) - Chị K có mặt

2. *Bị đơn:* Bà L T H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ dân phố P C 2, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2022, bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đ V V là chị P K K trình bày:

Vào năm 2014 bà L T H có vay tiền của ông Đ V V số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Cụ thể là tại Giấy vay tiền ngày 14/5/2014 bà L T H vay ông V số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 14/5/2014 đến ngày 14/5/2015; tại Giấy vay tiền ngày 25/8/2014 bà L T H vay ông V số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 25/8/2014. Sau nhiều lần khát nợ bà L T H không trả. Nay ông Đ V V uỷ quyền cho chị P K K tham gia tố tụng yêu cầu Toà án buộc

bà L T H phải trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), không yêu cầu lãi suất. Tại phiên toà chị K nộp đơn rút một phần nội dung khởi kiện của ông V, cụ thể theo Giấy vay tiền ghi ngày 14/5/2014 với số tiền vay 65.000.000 đồng thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 14/5/2014 đến ngày 14/5/2015, đối với số tiền vay 35.000.000 đồng do không thoả thuận thời hạn trả nợ nên chưa phát sinh quyền khởi kiện, do vậy ông V rút một phần khởi kiện bà L T H phải trả số tiền 35.000.000 đồng. Tổng số tiền ông V yêu cầu bà H phải trả là 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, tiến hành hòa giải các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc đòi tài sản.

2. Đề nghị của bị đơn: Tại bản tự khai, tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp bà L T H trình bày: Bà có vay của ông Đ V V nhiều lần với số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), được thể hiện trong hai giấy vay tiền ngày 14/5/2014 và giấy vay tiền ngày 25/8/2014. Giấy vay tiền ngày 14/5/2014 (trong đó số tiền vay 65.000.000 đồng thời hạn vay là một năm tính từ ngày vay đến ngày 14/5/2015); Giấy vay tiền ngày 25/8/2014 với số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 25/8/2014; lãi suất của cả hai giấy vay tiền này hai bên thoả thuận miệng với nhau không ghi vào giấy vay, và trả hàng tháng. Từ khi vay cho đến nay bà đã nhiều lần trả tiền cho ông V số tiền tính khoảng 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) nhưng do tin tưởng nhau nên mỗi lần trả tiền cho ông V bà đều không ghi giấy tờ, bà cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc đã trả tiền cho ông V vọng nhiều lần. Nay ông Đ V V đề nghị toà án buộc bà phải trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền vay gốc, bà tính đã trả cho ông V đều gốc và tiền lãi chỉ còn phải trả ông V 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Nay ông V yêu cầu bà phải trả số tiền vay 200.000.000 đồng đề nghị Toà án xem xét đối với Giấy vay nợ ghi ngày 25/8/2014 thì ông V được quyền khởi kiện toàn bộ, còn đối với giấy vay tiền ngày 14/5/2014 thì ông V mới chỉ được quyền đòi số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi năm triệu đồng), số tiền còn lại 35.000.000 đồng (ba mươi năm triệu đồng) ông V chưa được quyền khởi kiện vì số tiền này không ghi thời hạn trả nợ.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án bà H cho rằng đã nhiều lần trả tiền ông V số tiền tính khoảng 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) Toà án đã ra thông báo cho bà H để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng quá thời hạn yêu cầu bà H vẫn không cung cấp được chứng cứ gì; bà trình bày mỗi lần trả tiền cho ông V đều trực tiếp tại khu bờ hồ nơi ông V hay tập thể dục và trả ông V tại cổng nhà ông V, tất cả những lần trả đó không lần nào có ai chứng kiến.

Toà án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc trả tiền.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng quy định của pháp luật;

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Tranh chấp kiện đòi tài sản;

+ Về xác định người tham gia tố tụng; thu thập tài liệu, chứng cứ; về việc tiến

hành hoà giải: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng; lấy lời khai của đương sự và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đúng quy định;

+ Thời hạn giải quyết vụ án: Đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Việc chấp hành pháp luật của hội đồng xét xử sơ thẩm, thư ký phiên toà, của người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 166, 688 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đ V V. Buộc bà L T H có trách nhiệm trả cho ông Đ V V số tiền 165.000.000 đồng.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ án Kiện đòi tài sản mà bị đơn cư trú tại huyện B, tỉnh Lào Cai nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai;

Tại phiên tòa bị đơn là bà L T H vắng mặt, nhưng ngày 07/9/2022 bà H nộp đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về xác định tư cách đương sự:*

Khi khởi kiện ông Đ V V kiện bị đơn là bà L T H và ông L V L, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, đối chất giữa các bên đương sự đều thừa nhận người vay tiền chỉ do một mình bà L T H, chữ ký Lợi (L V L) trong hai giấy vay tiền không phải do ông L ký và viết mà do khi vay ông V yêu cầu bên vay phải có cả vợ và chồng cùng ký nhận nên bà L T H đã tự ký và viết tên L V L vào giấy vay tiền. Tại bản tự khai ngày 06/7/2022 của ông L V L trình bày không biết việc ông Đ V V và vợ ông là bà L T H có tiến hành cho nhau vay tiền, việc vay tiền đều do bà H và ông V ký kết, chữ ký tên ông trong giấy vay tiền do bà H ký, số tiền bà H vay ông V sử dụng riêng, không liên quan đến ông. Nên xác định bị đơn trong vụ án kiện đòi tài sản này là bà L T H.

[3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn đã thừa nhận vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng được thể hiện trong hai giấy vay tiền ngày 14/5/2014 và giấy vay tiền ngày 25/8/2014. Giấy vay tiền ngày 14/5/2014 (trong đó số tiền vay 65.000.000 đồng thời hạn vay là một năm tính từ

ngày vay đến ngày 14/5/2015); giấy vay tiền ngày 25/8/2014 với số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 25/8/2014 (BL 20, 21). Đối với thời hiệu khởi kiện về hợp đồng theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm (thời hiệu khởi kiện theo giấy vay tiền ngày 14/5/2014 với số tiền vay 65.000.000 đồng được tính từ ngày có quyền yêu cầu là 14/5/2015, còn thời hiệu khởi kiện đối với giấy vay tiền ngày 25/8/2014 với số tiền 100.000.000 đồng được tính từ ngày có quyền yêu cầu là ngày 25/02/2015) do vậy đã hết 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm; do vậy tranh chấp của các đương sự trong vụ án này là tranh chấp kiện đòi tài sản, không được xác định là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị P K K nộp cho Hội đồng xét xử đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện của ông V, cụ thể theo Giấy vay tiền ghi ngày 14/5/2014 với số tiền vay 65.000.000 đồng thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 14/5/2014 đến ngày 14/5/2015, đối với số tiền vay 35.000.000 đồng do không thoả thuận thời hạn trả nợ nên chưa phát sinh quyền khởi kiện, do vậy ông V rút một phần khởi kiện bà L T H phải trả số tiền 35.000.000 đồng này. Tổng số tiền ông V yêu cầu bà H phải trả là 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Bà L T H có đơn xin xét xử vắng mặt, trong nội dung đơn bà H đồng ý trả ông Đ V V số tiền vay phải trả là 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng), nhưng khi hoà giải các đương sự không thống nhất được nên Tòa án phải mở phiên tòa để xét xử.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Đ V V thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166; Điều 688 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về nghĩa vụ trả nợ:

- Xử buộc bà L T H phải có trách nhiệm trả cho ông Đ V V số tiền 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân

sự.

2. Về án phí:

- Ông Đ V V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.
- Buộc bà L T H phải chịu 8.250.000 đồng (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

